

KẾ HOẠCH

Thực hiện “Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện “Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các văn bản liên quan đến phát triển ngành nghề nông thôn nhằm phát huy tiềm năng của khu vực nông thôn, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, tăng thu nhập, tạo công ăn việc làm và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân; góp phần bảo vệ môi trường, tôn tạo, giữ gìn cảnh quan, phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc; phát triển kinh tế nông thôn gắn với mục tiêu nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hiện đại và nông dân văn minh.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Mục tiêu đến năm 2030:

- Khôi phục, phát triển các ngành nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh gắn với việc thực hiện các chương trình, dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn.
- Hỗ trợ các cơ sở ngành nghề, làng nghề xây dựng nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký các hình thức bảo hộ trí tuệ.
- Hỗ trợ phát triển các sản phẩm ngành nghề nông thôn, làng nghề gắn với Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP).
- Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo bằng các hình thức đạt trên 75%; trong đó tỷ lệ được cấp bằng, chứng chỉ đạt 35%. Tỷ lệ lao động nông thôn sau đào tạo nghề có việc làm đạt từ 80% trở lên.
- Thu nhập bình quân lao động trong các hoạt động ngành nghề nông thôn gấp 2,5 - 3 lần so với năm 2020.

- Phân đầu hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, ổn định đáp ứng 70% nhu cầu phát triển ngành nghề nông thôn.

- Mở rộng và phát triển thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2045:

- Ngành nghề nông thôn tiếp tục là hoạt động mang lại thu nhập, tạo việc làm cho lao động ở nông thôn, góp phần vào tăng trưởng chung của tỉnh.

- Phát triển ngành nghề nông thôn theo hướng phát triển bền vững, thông minh, thân thiện với môi trường, gắn với xây dựng không gian nông thôn xanh, sạch, đẹp; giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử và truyền thống của địa phương.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Định hướng phát triển theo nhóm ngành nghề nông thôn

1.1. Nhóm chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản:

- Tăng tỷ lệ sử dụng máy móc, thiết bị và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường vào sản xuất. Kết hợp phương pháp sản xuất truyền thống và hiện đại nhằm bảo tồn, phát huy các sản phẩm đặc trưng của địa phương.

- Cải tiến quy trình sản xuất theo chuỗi, đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trong tỉnh với ngoài tỉnh đồng thời mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm địa phương trong nước và hướng tới xuất khẩu.

1.2. Nhóm sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ và nhóm sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ:

- Tạo các mẫu mã sản phẩm mới từ các loại nguyên liệu đặc trưng của tỉnh như: Tre, song mây, lá buong, gỗ, gốc gỗ, thân dừa, quả dừa, đọt mía...; nguyên liệu từ giáp xác biển như vỏ ốc, san hô phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; phát triển sản xuất theo hướng làm quà tặng, đồ lưu niệm phục vụ đối tượng khách du lịch.

- Tăng cường liên kết giữa các làng nghề thủ công mỹ nghệ trong và ngoài tỉnh, kết hợp các nguyên liệu, vật liệu tạo ra các sản phẩm mới, độc đáo, có tính nghệ thuật, có khả năng sử dụng cao.

- Nghiên cứu, khuyến khích sử dụng nguyên liệu mới có nguồn gốc rõ ràng, thân thiện với môi trường thay thế cho các nguyên liệu truyền thống đang dần khan hiếm.

- Tạo điều kiện hỗ trợ nghệ nhân, thợ giỏi và người lao động tham gia các khóa học thiết kế mẫu mã, tạo hình, phối màu, phối hợp chất liệu trong sản xuất sản phẩm thủ công mỹ nghệ.

- Tiến hành các hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường cho xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ. Chú trọng đến các thị trường Nhật, Mỹ và EU.

1.3. Nhóm xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn:

- Nâng cao năng lực các cơ sở xử lý, chế biến tạo ra các loại nguyên liệu mới, phù hợp với xu hướng phát triển của ngành nghề nông thôn; nhất là sản xuất nguyên liệu tái chế, thân thiện với môi trường và thay thế cho nguyên liệu nhập khẩu.

- Hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, quy mô lớn được cấp chứng chỉ bền vững gắn với các nhà máy sơ chế, chế biến, sản xuất các sản phẩm ngành nghề nông thôn, giảm phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu; trong đó, ưu tiên cho các sản phẩm chủ lực của địa phương có điều kiện phù hợp, khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân đầu tư nhằm phát triển vùng nguyên liệu bền vững, đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định.

- Hình thành các điểm sơ chế, chế biến các nguyên liệu cung cấp cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn.

1.4. Nhóm sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh:

- Hình thành các vùng chuyên canh sản xuất, kinh doanh sinh vật cảnh, hướng tới hình thành tạo ra các sản phẩm hoa, cây cảnh độc đáo, phù hợp với thị hiếu người dân nhằm phát triển nông nghiệp theo hướng kinh tế xanh, góp phần sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp, gắn sản xuất nông nghiệp với phát triển du lịch sinh thái trải nghiệm tại địa phương.

- Đa dạng các sản phẩm mới, độc đáo phù hợp với văn hoá, nhu cầu của người dân và khách du lịch. Hình thành các hiệp hội sinh vật cảnh, tạo sân chơi cho nghệ nhân, người chơi chia sẻ kinh nghiệm và phối hợp sản xuất, kinh doanh, nhân giống, lai tạo, thiết kế và chế tác tạo các sản phẩm đặc sắc, nhưng vẫn giữ được nét văn hóa truyền thống địa phương nhằm tạo ra các sản phẩm sinh vật cảnh phong phú, đặc sắc, có giá trị cao.

1.5. Nhóm sản xuất muối:

- Tiếp tục phát triển sản xuất muối công nghiệp phục vụ cho công nghiệp hóa chất, tiến tới giảm dần nhập khẩu, tạo điều kiện tiêu thụ muối thủ công cho diêm dân. Đồng thời, rà soát, xác định những diện tích sản xuất muối tại các vùng muối sản xuất thủ công có tiềm năng, chất lượng tốt, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, chế biến muối nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm muối trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển các tổ hợp tác, hợp tác xã, làng nghề diêm dân theo hướng liên kết chuỗi giá trị; đa dạng hoá các sản phẩm muối, đáp ứng nhu cầu trong nước và hướng tới xuất khẩu.

- Bảo tồn và phát triển các phương pháp sản xuất, chế biến muối thủ công; giữ gìn giá trị truyền thống và nâng cao giá trị hạt muối.

- Xây dựng các mô hình đồng muối sạch, đẹp gắn với du lịch làng nghề, du lịch sinh thái; thực hiện lồng ghép giới thiệu sản phẩm muối trong các hội chợ nông sản kết nối sản xuất và tiêu thụ; xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý xuất xứ hàng hóa, bảo hộ sở hữu thương hiệu cho sản phẩm muối và xúc tiến thương mại các sản phẩm muối trên địa bàn tỉnh.

1.6. Nhóm dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn:

Hình thành hợp tác xã, tổ hợp tác, cá nhân cung cấp các dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh của người dân ở nông thôn; đa dạng hóa các loại hình và mở rộng quy mô các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống ở khu vực nông thôn; chuyển dịch cơ cấu từ sản xuất nông nghiệp sang cung cấp các loại dịch vụ, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí của người dân khu vực nông thôn.

2. Định hướng bảo tồn và phát triển làng nghề:

- Tập trung bảo tồn, khôi phục các nghề, làng nghề truyền thống đang có nguy cơ mai một, thất truyền, gắn với du lịch theo Kế hoạch số 3073/KH-UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030.

- Xây dựng các kênh phân phối, giới thiệu sản phẩm làng nghề; phong tặng, tôn vinh và phát triển đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi, người lao động trong các làng nghề, làng nghề truyền thống.

- Ưu tiên thành lập các hội, hiệp hội nghề ở các địa phương, các trung tâm đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp, cơ sở dạy nghề; hỗ trợ thiết kế mẫu mã, hoàn thiện sản phẩm, thông tin thị trường phục vụ bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề.

3. Thị trường tiêu thụ sản phẩm:

- Xây dựng các điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại các chợ, cửa hàng, trung tâm thương mại, các trạm nghỉ ven đường quốc lộ, điểm du lịch để quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm ngành nghề nông thôn.

- Xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm làng nghề theo các chương trình, kế hoạch xúc tiến thương mại, Chương trình OCOP; hỗ trợ các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp tại làng nghề xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu, quảng bá sản phẩm, bán hàng trực tuyến.

- Định kỳ tổ chức và tham gia các sự kiện quy mô vùng, cả nước và quốc tế nhằm quảng bá, xúc tiến thương mại, trao đổi kinh nghiệm về phát triển các sản phẩm ngành nghề nông thôn.

- Đa dạng hóa các sản phẩm xuất khẩu vào các thị trường truyền thống như Trung Quốc, Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc...; mở rộng sang các thị trường tiềm năng khu vực Trung Đông, Mỹ La tinh, Châu Phi.

4. Bảo vệ môi trường gắn với phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch làng nghề:

- Chuyển đổi ngành, nghề không khuyến khích tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình ra khỏi làng nghề theo quy định tại Điểm b, Khoản 5, Điều 35 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Giữ gìn cảnh quan nông thôn gắn với làng sinh thái, thông minh, bảo đảm xanh, sạch, đẹp và thân thiện môi trường.

- Triển khai hiệu quả Kế hoạch số 3790/KH-UBND ngày 09/11/2022 của UBND tỉnh về triển khai Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại Bình Thuận; tập trung thu hút đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch; phát huy các giá trị văn hóa truyền thống nông thôn; đa dạng hoạt động trải nghiệm du lịch làng nghề, du lịch nông thôn.

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN

1. Giải pháp về thông tin, tuyên truyền:

- Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền và người dân về vai trò, tầm quan trọng của phát triển ngành nghề nông thôn trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Đa dạng hình thức truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội cho cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân.

2. Giải pháp về chính sách:

- Thực hiện tốt cơ chế, chính sách liên quan đến hỗ trợ, đầu tư phát triển ngành nghề nông thôn do trung ương và tỉnh ban hành, trong đó tập trung các chính sách về tổ chức sản xuất, xúc tiến thương mại, hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ đầu tư xây dựng nông thôn mới; đào tạo nghề cho lao động nông thôn...

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện nội dung, định mức hỗ trợ liên quan đến phát triển ngành nghề nông thôn do tỉnh ban hành nhằm bảo đảm phù hợp, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả, đúng quy định.

3. Tổ chức lại sản xuất và hình thành các trung tâm sáng tạo

- Tăng cường mô hình liên kết giữa doanh nghiệp - hợp tác xã - người dân, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo, nòng cốt, dẫn dắt, hợp tác xã là trung gian giữa doanh nghiệp và người dân.

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, hiệp hội xây dựng các trung tâm sáng tạo, chương trình khởi nghiệp của hoạt động ngành nghề nông thôn.

- Ứng dụng máy móc, thiết bị công nghệ và hỗ trợ cải tạo, nâng cấp cơ sở sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn.

- Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, sở hữu trí tuệ, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc sản phẩm ngành nghề nông thôn, làng nghề.

- Đầu tư cụm công nghiệp làng nghề phù hợp với quy hoạch và điều kiện của địa phương; chú trọng phát triển công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistics trong các làng nghề.

4. Bảo vệ môi trường gắn với phát triển du lịch nông thôn

- Tập trung xử lý ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, làng nghề truyền thống; kiên quyết di dời cơ sở sản xuất gây ô nhiễm vào các cụm công nghiệp.

- Khuyến khích sử dụng nguyên liệu tái tạo, thân thiện môi trường và tận dụng các phế phụ phẩm của nguyên liệu làm đầu vào cho các sản phẩm khác.

- Xây dựng mô hình phát triển du lịch làng nghề, du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái mang tính đặc trưng vùng, miền.

- Tổ chức lễ hội truyền thống, hội thi quảng bá, giới thiệu những nét đặc sắc văn hoá của sản phẩm làng nghề; tôn vinh các nghệ nhân, thợ giỏi làm cơ sở xem xét phong tặng, công nhận nghệ nhân.

5. Xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung:

- Khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư các vùng nguyên liệu tập trung, quy mô lớn, có chứng chỉ bền vững, phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng trong vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất, khai thác, sơ chế, chế biến; nghiên cứu, chọn tạo, công nhận chuyển giao các loại giống mới, năng suất cao, đảm bảo chất lượng.

5. Phát triển nguồn nhân lực

- Tiếp tục thực hiện chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo định hướng phát triển của địa phương và nhu cầu của người lao động trong đó ưu tiên hỗ trợ đào tạo các nghề thuộc lĩnh vực ngành nghề nông thôn và đào tạo lao động tại doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất thuộc làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn.

- Đào tạo nâng cao tay nghề; bổ sung các kiến thức về khoa học công nghệ, quy trình sản xuất, công nghệ thông tin, thiết kế, đổi mới mẫu mã sản

phẩm cho người lao động tại địa phương. Ưu tiên đào tạo lao động tại doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, vùng nguyên liệu tập trung, cụm công nghiệp.

- Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý, chuyển đổi số cho doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

- Xây dựng mô hình liên kết đào tạo giữa các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

- Đào tạo nâng cao nghề, chuyển đổi một bộ phận lao động nông nghiệp sang các hoạt động ngành nghề nông thôn.

6. Giải pháp về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường:

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất đưa các sản phẩm lên hệ thống phân phối, trung tâm thương mại, siêu thị, điểm du lịch, kênh thương mại điện tử.

- Thông tin, hỗ trợ các cơ sở ngành nghề nông thôn tham gia hội chợ triển lãm trong và ngoài nước nhằm giới thiệu, quảng bá thương hiệu, sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ ngoài tỉnh.

- Mở rộng hợp tác, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, nhất là công nghệ về thiết kế mẫu mã, chế biến, bảo quản, công nghệ giống, công nghệ môi trường, tái sử dụng phụ phẩm.

- Hỗ trợ phát triển thương hiệu các sản phẩm ngành nghề, làng nghề của đồng bào dân tộc thiểu số của địa phương ra thị trường.

7. Giải pháp nâng cao vai trò các hiệp hội ngành nghề nông thôn:

- Phát huy vai trò các hiệp hội nghiên cứu, phối hợp với các cơ quan chức năng trong đàm phán, mở cửa thị trường; giải quyết và tháo gỡ hàng rào kỹ thuật, các tranh chấp pháp lý quốc tế.

- Nâng cao vị thế, vai trò của hiệp hội trong tiếp nhận, triển khai, phản biện, xây dựng và thực thi chính sách của Nhà nước.

8. Giải pháp về vốn

- Tiếp tục triển khai chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Quyết định số 2305/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của UBND tỉnh về Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thiện các thủ tục cần thiết thành lập quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã nhằm hỗ trợ tín dụng cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư, tài chính, kế toán,

ngân hàng đối với các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thành viên hợp tác xã tham gia các hoạt động phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn.

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Nguồn vốn nhà nước (ngân sách trung ương/ngân sách địa phương) theo quy định hiện hành.

2. Lòng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án của trung ương và địa phương.

3. Huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương tổ chức thực hiện Kế hoạch này; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc, hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn.

- Hàng năm, tổng hợp kế hoạch xây dựng, dự toán kinh phí về phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề của sở, ngành, địa phương đề xuất nhu cầu vốn gửi Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách trình UBND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; kiến nghị những vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm của các sở, ngành, UBND cấp huyện; tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Công Thương:

- Triển khai các nhiệm vụ khuyến công để hỗ trợ thúc đẩy phát triển ngành nghề nông thôn, các cơ sở sản xuất trong làng nghề.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các chính sách, giải pháp thúc đẩy thị trường, xúc tiến thương mại cho sản phẩm ngành nghề nông thôn.

3. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Bình Thuận

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện các chính sách tín dụng cho phát triển ngành nghề nông thôn.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh cân đối vốn đầu tư công để hỗ trợ đầu

tư cơ sở hạ tầng trong vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất, khai thác, sơ chế, chế biến theo quy định.

5. Sở Tài chính:

Trên cơ sở dự toán của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp hàng năm cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

6. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất xây dựng bảo hộ thương hiệu sở hữu công nghiệp; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong sản xuất, truy xuất nguồn gốc sản phẩm ngành nghề nông thôn của tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án hỗ trợ đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ cho các làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Hướng dẫn, tạo điều kiện về thủ tục liên quan đến giao đất, thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật cho các làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường làng nghề; phổ biến công nghệ xử lý môi trường phù hợp với làng nghề để khuyến khích phát triển các ngành nghề nông thôn sử dụng công nghệ thân thiện môi trường.

- Hướng dẫn, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và địa phương triển khai các hoạt động thúc đẩy phát triển du lịch nông thôn, chú trọng phát triển các sản phẩm du lịch dựa trên các giá trị đặc sắc của ngành nghề nông thôn, văn hóa, không gian, lễ hội của làng nghề, làng nghề truyền thống, ghi danh các nghề thủ công truyền thống vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

9. Sở Thông tin và Truyền thông:

Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, cơ quan thông tin tuyên truyền và hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn thông tin tuyên truyền về các sản phẩm ngành nghề nông thôn và quảng bá các sản phẩm du lịch gắn với làng nghề, nghề truyền thống, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh; Hỗ trợ chuyển đổi số các tổ chức, cá nhân, cơ sở ngành nghề nông thôn thực hiện quản lý và phát triển các sản phẩm ngành nghề nông thôn.

10. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng chương trình đào tạo những nghề mới theo nhu cầu của thị trường lao động; tổ chức đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lao động gắn với chuyển đổi nghề nghiệp; hỗ trợ đào tạo nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng dạy học cho nghệ nhân, thợ giỏi và khuyến khích nghệ nhân, thợ giỏi tham gia đào tạo nghề cho lao động, trong đó chú trọng đào tạo nghề cho lao động ở các làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn, hợp tác xã, tổ hợp tác.

11. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Hàng năm, căn cứ chức năng nhiệm vụ được phân công xây dựng dự toán kinh phí và kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ cụ thể của đơn vị về ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, tổng hợp.

- Triển khai xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung, phục vụ cho phát triển ngành nghề nông thôn, cơ sở hạ tầng làng nghề theo quy hoạch cấp tỉnh, cấp huyện.

- Tiếp tục thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn theo quy định, đồng thời tổ chức triển khai giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

- Hỗ trợ đầu tư nâng cấp các hạng mục công trình xử lý chất thải cho làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn

- Hướng dẫn cơ sở, hộ gia đình có hoạt động sản xuất ngành nghề nông thôn phải xây dựng và thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường nông thôn theo quy định của pháp luật.

12. Các hội, hiệp hội nghề nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp:

Chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch hỗ trợ thực hiện các nội dung của Kế hoạch; tích cực tổ chức thực hiện các nội dung được phân công nhằm bảo tồn và phát triển ngành nghề nông thôn.

13. Trách nhiệm của các cơ sở, hộ gia đình sản xuất:

- Các cơ sở, hộ gia đình có hoạt động sản xuất ngành nghề nông thôn phải xây dựng và thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường nông thôn theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường và di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề và chuyển đổi ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề theo quy định.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Định kỳ 06 tháng (trước ngày 20/6), hàng năm (trước ngày 20/11) hoặc đột xuất, các sở, ngành liên quan và các địa phương gửi báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

Yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phản ánh kịp thời cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh (Đ/c Hải);
- Các đơn vị tại mục V Kế hoạch;
- Lưu: VT, KT, Văn.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Hải